

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình,
giai đoạn đến năm 2030

A. CĂN CỨ VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2021/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 289-TB/TU ngày 07/01/2022 của Tỉnh Ủy Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy.

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ

về Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030;

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030.

- Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Phê duyệt điều chỉnh Quyết định Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030.

2. Quy trình lấy ý kiến

a) Công tác lấy ý kiến tại địa phương:

- Báo cáo UBND, HĐND huyện Thăng Bình ngày 8/6/2018, ngày 31/7/2018, ngày 11/9/2018; báo cáo phản biện của UBMTTQVN huyện ngày 21/11/2018; báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 27/11/2018.

- Các Công văn về việc góp ý Quy hoạch vùng huyện Thăng Bình đến năm 2030 của các xã, thị trấn;

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND huyện Thăng Bình về thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình đến năm 2030.

- Báo cáo phản biện của UBMTTQVN huyện ngày 21/7/2023.

b) Công tác lấy ý kiến UBND tỉnh và các Sở ngành ở tỉnh:

- Thông báo số 34/TB-SXD ngày 10/3/2020 của Sở Xây dựng Quảng Nam về nội dung cuộc họp Hội đồng thẩm định đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình;

- Thông báo kết luận số 313 /TB-UBND ngày 18/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại cuộc họp thông qua các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

- Công văn số 2071/SGTVT-QLCLCT ngày 21/8/2020 của Sở Giao thông vận tải về việc góp ý Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình; Công văn số 1965 /SNN&PTNT-KHTC ngày 17/9/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc góp ý Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình.

c) Lấy ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Thông báo số 289-TB/TU ngày 07/01/2022 của Tỉnh Ủy Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy.

d) Hội đồng thẩm định: Sở Xây dựng đã có Công văn số 648/SXD-PQH ngày 29/4/2022 về việc lấy ý kiến thẩm định thành viên Hội đồng thẩm định đối với các đề án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030. Theo đó, đã có ý kiến của các thành viên Hội đồng:

- Cục Thống kê tỉnh tại Công văn số 302/CTK-TH ngày 10/5/2022;
- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tại Công văn số 1457/PCCC&CNCH-Đ2 ngày 9/5/2022;
- Sở Tài chính tại Công văn 1122/STC-ĐT ngày 09/5/2022;
- Sở Y tế tại Công văn số 1033/SYT-TCHC ngày 09/5/2022;
- Sở Thông tin Truyền thông tại Công văn số 472/STTTT-CNTT&BCVT ngày 19/5/2022;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1127/SKHĐT-QHTH ngày 23/5/2022;
- Phiếu góp ý của các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Công văn số 2214/SXD-PQH ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng về việc hoàn chỉnh, tiếp thu và giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định hồ sơ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030; kèm biên bản họp hội đồng thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến 2030.

B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính huyện Thăng Bình; có ranh giới:

- + Phía Bắc : giáp huyện Duy Xuyên và Quế Sơn;
- + Phía Nam : giáp thành phố Tam Kỳ và huyện Phú Ninh;
- + Phía Đông : giáp Biển Đông;
- + Phía Tây : giáp huyện Hiệp Đức và huyện Tiên Phước.

b) Tổng diện tích đất tự nhiên: 412,25 km², với 22 đơn vị hành chính (21 xã và thị trấn Hà Lam).

2. Tính chất: Là vùng động lực phát triển kinh tế, xã hội của hành lang Trung Quảng Nam; là vùng trọng điểm phát triển về dịch vụ thương mại, công nghiệp của tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu của đề án:

- Cụ thể hóa các định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Rà soát, điều chỉnh, khớp nối các quy hoạch trên địa bàn huyện;

- Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các

khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn và quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng huyện.

4. Tiềm năng và động lực phát triển

a) Về ngoại vùng:

- Vị trí địa chiến lược của huyện trọng định vị phát triển tỉnh Quảng Nam: nằm trong tuyến đô thị biển và du lịch biển; giữa 2 trung tâm kinh tế lớn Tam Kỳ, Núi Thành và Hội An, Đà Nẵng.

- Là trọng điểm phát triển của Cụm động lực số 2 (Thăng Bình - Quế Sơn - Thăng Bình) kết nối với Cụm Trung Tây (Nông Sơn - Quế Sơn - Hiệp Đức) qua tuyến QL1A và QL14E.

- Nằm trong Quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai, được định hướng là các trung tâm công nghiệp công nghệ cao, trung tâm du lịch biển và các đô thị sông, biển.

b) Về nội vùng:

- Nhiều di tích lịch sử, thắng cảnh đẹp để phát triển du lịch; Có quỹ đất ven biển lớn, đang được đầu tư hạ tầng khung tạo điều kiện tốt để thu hút các nhà đầu tư.

- Lực lượng lao động dồi dào với cơ cấu dân số vàng;

- Vùng phía Tây với quỹ đất nông, lâm nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rừng sản xuất, rừng gỗ lớn và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề.

5. Các chỉ tiêu phát triển vùng

5.1. Cơ sở dự báo

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030:

* Đến năm 2025: Dự báo tốc độ gia tăng dân số bình quân 0,67%/năm trong suốt giai đoạn 2016-2025. Giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng dân số bình quân khoảng 0,65%, dân số toàn huyện đạt khoảng 188 nghìn người, tỷ lệ dân số thành thị chiếm khoảng 32%; giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 0,7%, dân số toàn huyện đạt khoảng 194,7 nghìn người, tỷ lệ dân số thành thị chiếm khoảng 40%.

* Tầm nhìn đến năm 2030: Dự báo tốc độ tăng dân số bình quân chung giai đoạn 2021-2030 vào khoảng 0,57%. Dân số toàn huyện đến năm 2030 ước đạt khoảng 198 nghìn người.

b) Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam

Đô thị Hà Lam Đô thị loại 4, quy mô dân số 55.000 người

Khu đô thị Bình Minh (đô thị loại 5), quy mô dân số 15.000 người

c) Theo Dự thảo Quy hoạch tỉnh

Đến năm 2030 dân số toàn huyện khoảng 200.000 người (dân số nội thị 40.500 người, dân số nông thôn 159.500 người), trong đó đô thị :

- Đô thị Hà Lam:

+ Loại đô thị: Đến năm 2025 là đô thị loại IV-Thị trấn; Đến năm 2030 là đô thị loại IV-Thị xã.

+ Quy mô dân số: Năm 2025 đạt 22.000 người, năm 2030 đạt 25.500 người
- Đô thị Bình Minh

+ Loại đô thị: Đến năm 2025 là đô thị loại V; Đến năm 2030 là đô thị loại V – Thị trấn.

+ Quy mô dân số: Năm 2025 đạt 10.000 người, năm 2030 đạt 15.000 người.

- Theo bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn đô thị Hà Lam sẽ phát triển thành đô thị loại IV với quy mô gồm việc gộp hai tiểu vùng Trung và tiểu vùng Đông với 14 xã và thị trấn Hà Lam (15 đơn vị hành chính) là khu vực nội thị khu vực ngoại thì gồm 7 xã Vùng Tây (trong đó dự kiến gộp các xã Bình Định Nam, Bình Định Bắc, Bình Phú, Bình Chánh) dự kiến còn 5 xã.

5.2. Kết quả dự báo

a) Dân số:

- Đến năm 2025: Dân số đạt khoảng 194,7 nghìn người; trong đó dân số đô thị khoảng 60 nghìn người, nông thôn khoảng 144.7 nghìn người.

- Đến năm 2030: Dân số đạt khoảng 200 nghìn người; trong đó dân số đô thị khoảng 145 nghìn người, nông thôn khoảng 55 nghìn người.

b) Đô thị hóa: Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 30,8%; năm 2030 đạt 73,0%.

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính: được áp dụng theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng Quy chuẩn QCVN: 01/2021/BXD; QCVN 07:2016/BXD.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

6.1. Mô hình cấu trúc phát triển

Mô hình phát triển không gian vùng huyện theo dạng dải, tuyến tính có phân cực, trong đó tâm phát triển là khu vực trung tâm đô thị Hà Lam hiện hữu phát triển mở rộng dọc Quốc lộ 1, vệt ven biển và ven sông Trường Giang; dựa trên 05 trục chính Đông Tây, 06 trục chính Bắc Nam và 03 phân vùng.

a) Định hướng các trục không gian phát triển:

- Trục Đông Tây bao gồm 5 trục chính:

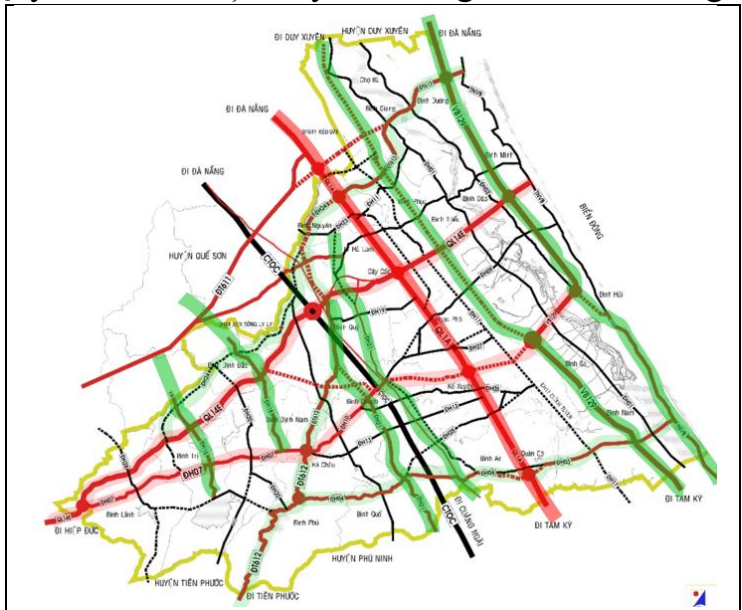
+ Đường QL14E: Trục ngang Đông - Tây quan trọng nhất của huyện, trong đó có nút giao với đường cao tốc, hiện nay đang triển khai thi công đoạn nối từ đường ĐT619 lên Cây Cốc.

+ Đường ĐT613: Kết nối đường ven biển với QL1A. Ngoài ra còn kết nối với đường ĐT611 kéo dài đi qua KCN Đông Quế Sơn và lên Đông Phú. Kèo dài kết nối với tuyến dọc sông Ly Ly (ĐH24.TB).

+ Đường ĐT612 (Bình Quý - Tiên Sơn): Tuyến đường mới được công nhận đường tỉnh. Kéo dài hướng tuyến từ Bình Quý chạy dọc theo đường kênh chính Phú Ninh và kết nối với đường ĐT613 tại QL1A (Bình Nguyên).

+ Tuyến kết nối QL14E, Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Nam (theo ĐH 07.TB), Bình Chánh, Bình Tú (theo ĐH10.TB) và mở mới đoạn tuyến kết nối với QL1A và đường ĐT 619 (tại nút giao Bình Sa).

+ Đường ĐH03.TB, ĐH04.TB: Kết nối Bình Phú (tại ĐT612), Bình Quế, Bình An, Bình Nam. Mở mới đoạn tuyến tránh khu dân cư tại Quán Gò. Đồng thời mở mới các đoạn tuyến kết nối các hồ Phước Hà, Đông Tiễn, Cao Ngạn kết nối với ĐH28.TB (tại Bình Lãnh) phục vụ phát triển du lịch.



Mô hình phát triển theo 5 trục Đông Tây và 6 trục Bắc Nam

- Trục Bắc Nam bao gồm 6 trục chính:

+ Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi: Qua địa bàn huyện Thăng Bình có lợi thế là nút giao với đường QL14E.

+ Đường quốc lộ 1A: Tổ chức thêm tuyến tránh thị trấn Hà Lam (Bao về hướng đông thị trấn được xác định kéo dài từ phía Bắc trụ sở UBND xã Bình Nguyên 300m đến phía Bắc Ngọc Phô).

+ Đường ĐT619: Thúc đẩy phát triển KTXH Vùng đông Thăng Bình; Kết hợp với đường Thanh niên ven biển từ Bình Hải đi vào Bình Nam và Tam Kỳ tạo nên trục dọc **Đông Trường Giang**; Tổ chức tuyến từ Bình Sa đi CCN Hà Lam - Chợ Đước, KCN Đông Quế Sơn và kết nối đến Duy Thành tạo nên trục dọc song song với trục **Tây Trường Giang**.

+ Đường ĐH18.TB: Kết nối Bình Định Nam – Bình Định Bắc và đi qua huyện Quế Sơn.

+ Đường ĐH15.TB: Kết nối từ hồ Đông Tiễn, Bình Trị, xây dựng cầu qua sông Ly Ly kết nối huyện Quế Sơn.

+ Hình thành 2 trục dọc theo đường cao tốc trên cơ sở tuyến ĐH21.TB. Phía đông đường cao tốc kéo dài ĐH21 (tại Bình Chánh) kết nối với ĐH4 (tại Bình An). Phía tây cao tốc mở mới đoạn tuyến kết nối ĐT612, đi theo đường ĐH21 kết nối với huyện Phú Ninh.

+ Ngoài ra còn có các trục dọc khác: ĐH1.TB, ĐH2.TB, tuyến dọc kênh chính Phú Ninh.

b) Phân vùng phát triển:

- Tiểu vùng 1 (Vùng Tây): Gồm 07 xã Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Phú, Bình Chánh, Bình Quế, với định hướng phát triển tập trung công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp theo hướng sản xuất sản phẩm hàng hóa, nâng cao chuỗi giá trị và giá trị gia tăng trên cơ sở phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu về vật chất và tinh thần, chất lượng cuộc sống cho cư dân trong vùng; trung tâm vùng là Bình Trị, Hà Châu.

- Tiểu vùng 2 (Vùng Trung): Gồm 06 xã Bình Tú, Bình Quý, Bình Nguyên, Bình An, Bình Trung, Bình Phục và 01 thị trấn Hà Lam, với định hướng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp làng nghề, nông nghiệp, lâm nghiệp. Phát triển đô thị với hạt nhân là đô thị Hà Lam theo các tiêu chí loại IV có không gian mở rộng khu vực lân cận thuộc xã Bình Nguyên, Bình Phục, Bình Quý và Bình Tú.

- Tiểu vùng 3 (Vùng Đông): Gồm 08 xã Bình Triều, Bình Giang, Bình Dương, Bình Minh, Bình Hải, Bình Nam, Bình Đào, Bình Sa, với định hướng phát triển du lịch, nghỉ dưỡng, nông nghiệp, công nghiệp. Đầu tư phát triển theo quy hoạch Khu kinh tế mở Chu Lai; phát triển Bình Minh thành đô thị loại V có liên kết về không gian phát triển với các khu dân cư, tái định cư hình thành mới được quy hoạch xây dựng theo tiêu chí của đô thị.

6.2. Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển

a) Nông, lâm, thủy sản:

- Vùng Tây: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực có quỹ đất thuận lợi, dọc kênh Phú Ninh, tại Bình Quý, Bình Chánh, Bình Quế, Bình Phú; Phát triển các vùng nuôi trồng thủy hải sản tại các hồ lớn tại khu vực, tăng hiệu quả kinh tế cũng như phát triển du lịch. Phát triển rừng, kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại theo mô hình kinh tế nông lâm kết hợp. Khai thác thế mạnh về rừng trồng sản xuất trồng các loại cây nguyên liệu, các loại cây dược liệu. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tại các xã Bình Quế, Bình Chánh, Bình Phú, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Trị, Bình Lãnh.

- Vùng Trung: Phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp đặc biệt là phát triển vùng lúa gạo chuyên canh. Phát triển lâm nghiệp theo hướng cây trồng cảnh quan. Hạn chế bố trí chăn nuôi tập trung (ngoại trừ 01 điểm với quy mô 15ha tại xã Bình Quý).

- Vùng Đông: Phát triển chuỗi nông nghiệp với các loại cây trồng chủ yếu là rau sạch, hình thành vùng nông nghiệp an toàn với các vùng nuôi trồng thủy sản chất lượng cao tại sông Trường Giang cung cấp cho các dịch vụ nghỉ dưỡng ven biển. Không bố trí chăn nuôi tập trung.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

+ Khu công nghiệp: bao gồm các khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai (KCN Tam Thăng, Tam Thăng mở rộng; Khu công nghiệp Nam Thăng Bình, Khu công nghiệp công nghệ cao Thăng Bình); khu công nghiệp Bắc Thăng Bình thuộc Khu công nghiệp-đô thị-dịch vụ phía Tây sông Trường Giang quy mô khoảng 1.000ha; Khu vực phát triển công nghiệp Núi Ngang thuộc - Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây đường Cao tốc quy mô khoảng 400ha.

+ Cụm công nghiệp: có 09 cụm bao gồm CCN Hà Lam-Chợ Đước 83ha, CCN Kế Xuyên-Quán Gò 10,6ha, CCN Bình An 75ha, CCN Phú Cang – Gò Dài 73,9ha, CCN Bình Hoà 54,8ha, CCN Dốc Tranh 19,4ha, CCN Quý Xuân 31,4ha, CCN Núi Ngang 75ha, CCN Rừng Lãm 10ha.

(Trong đó, CCN Bình Hoà thuộc phạm vi của Khu chức năng công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang; CCN Núi Ngang thuộc phạm vi của Khu chức năng công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây đường Cao tốc)

+ Về tiểu thủ công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp nông thôn theo hướng khuyến khích các ngành nghề truyền thống gắn với vùng nguyên liệu và các tuyến du lịch làng nghề trên địa bàn huyện.

b) Thương mại, dịch vụ

- Không gian phát triển thương mại dịch vụ tập trung tại các đô thị Hà Lam, Bình Minh; các khu chức năng: Khu du lịch dịch vụ ven biển huyện Thăng Bình, Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây đường Cao tốc; dọc theo 05 trục chính Đông Tây, 06 trục chính Bắc Nam.

- Đến năm 2030 trên địa bàn huyện có 27 chợ. Trong đó có 03 chợ hạng 1 (chợ Hà Lam, chợ khu tái định cư Bình Minh, chợ đầu mối nông sản khu vực vùng Tây – Tây Nguyên). Còn lại là các chợ phân bố tại các xã phục vụ cho nhân dân trong vùng.

c) Du lịch:

Không gian phát triển du lịch tập trung tại khu vực ven biển, ven sông Trường Giang; dọc theo các trục không gian phát triển chính. Trong đó:

- Khu du lịch dịch vụ ven biển huyện Thăng Bình, quy mô khoảng 2.900ha

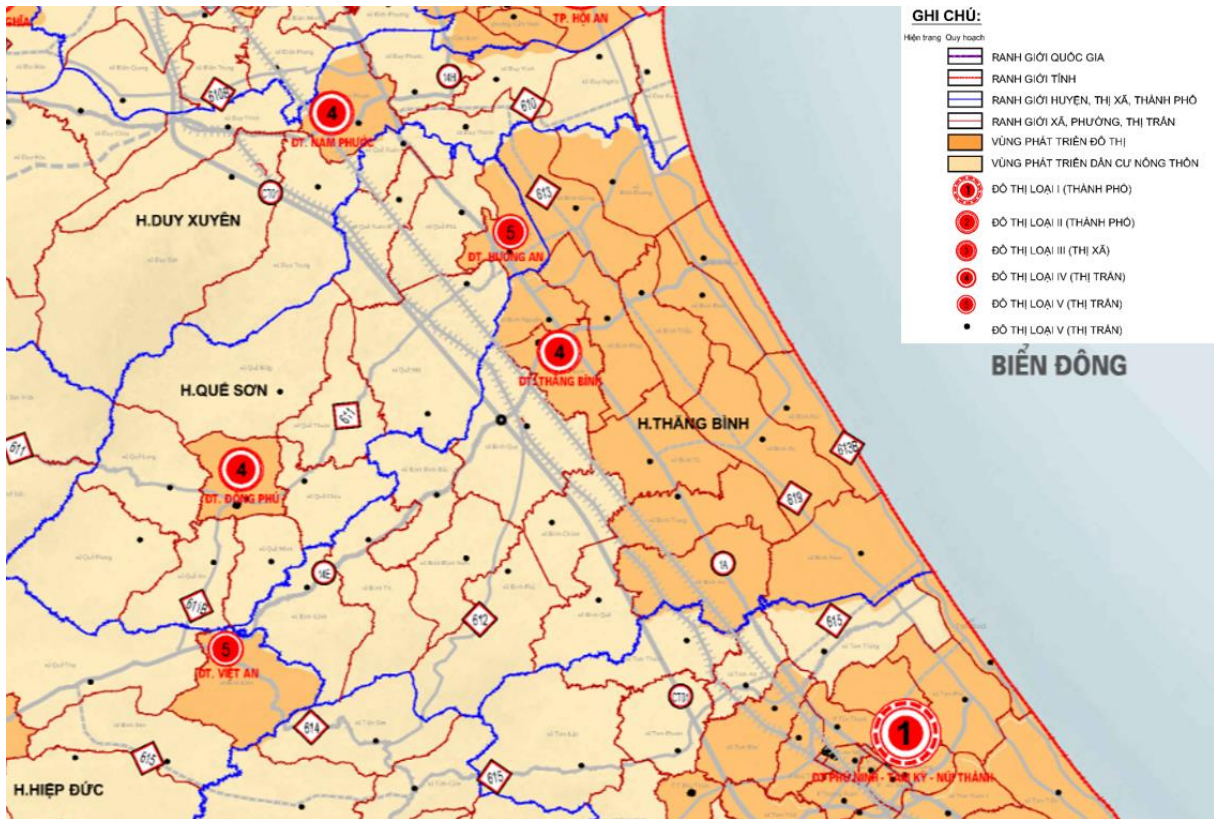
- Các điểm du lịch trong các khu chức năng: Khu Kinh tế mở Chu Lai; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang.

- Định hướng các cụm du lịch sinh thái kết nối 3 khu vực hồ lớn tại vùng huyện là hồ Cao Ngạn, Hồ Đông Tiến và hồ Đập Phước Hà, với các hình thức du lịch trải nghiệm sông nước, câu cá tại khu vực, du lịch sinh thái khám phá rừng núi và thôn quê.

- Phát triển du lịch tại khu di tích Phật viện Đồng Dương và các làng nghề trên địa bàn và du lịch trải nghiệm dọc sông Ly Ly.

- Tập trung thu hút đầu tư các điểm du lịch: Hồ Cao Ngạn 10ha; Hồ Đông Tiễn 25ha; Hồ Đập Phước Hà 43ha; Hồ Do 20ha; Khu du lịch văn hóa lịch sử phát viện Đồng Dương 260ha.

6.3. Định hướng tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn



Trích Bản đồ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn theo Quy hoạch tỉnh

a) Đô thị:

* Đến năm 2025 toàn huyện sẽ có 2 đô thị, bao gồm 01 đô thị loại IV (Hà Lam) và 1 đô thị loại V (Bình Minh).

- Đô thị Hà Lam (loại IV)

+ Tính chất: Trung tâm tổng hợp, có vai trò thúc đẩy phát triển KT-XH của huyện Thăng Bình.

+ Đến năm 2025: dân số đô thị đạt khoảng 35.000 người; đất xây dựng đô thị đạt khoảng 665 ha.

+ Hướng phát triển đô thị: Hoàn thiện hạ tầng các khu vực dân cư hiện hữu, tiếp tục lập quy hoạch, thu hút đầu tư các khu dân cư đô thị, các khu chức năng tại khu vực phía Đông Quốc lộ 1 và khu vực phía Nam đô thị hiện hữu đến đường Quốc lộ 14E. Xây dựng đồng bộ hệ thống HTKT theo chuẩn đô thị loại III.

- Đô thị Bình Minh (loại V)

+ Tính chất: Trung tâm vùng, phục vụ nhu cầu tái định cư cho vệt ven biển; cung cấp lao động cho các khu du lịch, nghỉ mát.

+ Đến năm 2025: dân số đô thị đạt khoảng 25.000 người; đất xây dựng đô thị đạt khoảng 891,74ha.

+ Hướng phát triển đô thị: Đô thị ven biển và hai bên sông Trường Giang, dựa trên tuyến đường 14E hiện hữu và tuyến 14E mới (nối từ Cây Cốc).

* Đến năm 2030, phân đầu xây dựng đô thị Hà Lam đạt tiêu chí đô thị loại IV; trong đó, định hướng phát triển khu vực nội thị trong phạm vi các đơn vị hành chính cấp xã thuộc Tiểu vùng 2 (Vùng Trung) và Tiểu vùng 3 (Vùng Đông)

b) Nông thôn:

- Tập trung quy hoạch, xây dựng các khu Trung tâm cụm xã trên địa bàn huyện bao gồm: Điểm dân cư Quán Gò quy mô khoảng 100ha; Điểm dân cư Bình Trung (Kế Xuyên-Tú Mỹ) quy mô khoảng 100ha; Điểm dân cư Bình Trị quy mô khoảng 50ha; Điểm dân cư Bình Dương quy mô khoảng 280ha; Điểm dân cư trung tâm xã Bình Tú quy mô khoảng 65ha; Điểm dân cư trung tâm Hà Châu (Bình Phú, Bình Định Nam) quy mô khoảng 110ha.

- Tiếp tục xây dựng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các Trung tâm xã còn lại theo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn. Đối với các xã nằm trong kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính (Bình Định Nam, Bình Định Bắc, Bình Phú, Bình Chánh), trong quá trình lập đề án và quy hoạch chung xây dựng xã sẽ xác định các trung tâm xã hiện hữu thành một trung tâm chính đóng vai trò là trung tâm hành chính-chính trị và một trung tâm phụ.

- Hoàn thành tiến độ xây dựng các xã đạt chuẩn Nông thôn mới theo tiến độ chung của tỉnh. Phân đầu xây dựng các điểm dân cư nông thôn theo tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu.

- Hình thành các điểm dân cư mới (khu giãn dân): Tiếp tục xây dựng các khu ở đô thị (nhà ở liền kề và nhà vườn) và các khu dân cư mới để nâng cao chất lượng ở của nhân dân, cán bộ theo hình thức đấu giá đất tại những nơi có vị trí thuận lợi như ven đường quốc lộ 14E, tỉnh lộ 613.

- Di dời dân cư các vùng thiên tai ven biển ra khỏi vùng thiên tai. Cải tạo, chỉnh trang các khu chức năng, công trình hạ tầng kỹ thuật. của những điểm dân cư đã tồn tại ổn định lâu dài. Xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị hóa.

6.4. Định hướng tổ chức các khu chức năng

a) Khu kinh tế mở Chu Lai: thực hiện theo điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt tại Quyết định 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Khu chức năng du lịch dịch vụ ven biển huyện Thăng Bình

- Ranh giới phía Đông giáp biển Đông, phía Tây kéo dài ranh giới phía Tây Khu Kinh tế mở Chu Lai đến giáp ĐT 613, phía Nam giáp Khu Kinh tế mở Chu Lai, phía Bắc giáp ĐT 613; quy mô khoảng 6.200ha

- Tính chất, chức năng: là khu vực phát triển du lịch; bao gồm các chức năng chính như du lịch, dân cư-đô thị, thương mại, dịch vụ, các khu chức năng xã và các chức năng khác.

- Một số định hướng phát triển: ưu tiên phát triển các loại hình du lịch gắn với tiềm năng lợi thế khu vực ven biển và sông Trường Giang; duy trì khu vực hạn chế phát triển dọc sông Trường Giang, hình thành vệt xanh kết nối sông-biển, phát triển chức năng dân cư-đô thị, thương mại, dịch vụ, giáo dục đào tạo khu vực giữa Khu Kinh tế mở Chu Lai và ĐT 613.

c) Khu chức năng công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang

- Ranh giới phía Đông giáp sông Trường Giang, phía Tây kéo dài ranh giới phía Tây Khu Kinh tế mở Chu Lai đến giáp Khu công nghiệp Đông Quế Sơn; quy mô khoảng 1.320ha.

- Tính chất, chức năng: Là khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; bao gồm các chức năng chính như công nghiệp, dân cư-đô thị, thương mại, dịch vụ, các khu chức năng xã và các chức năng khác.

- Một số định hướng phát triển: ưu tiên phát triển các loại hình công nghiệp sinh thái trên cơ sở mở rộng Khu công nghiệp Đông Quế Sơn; duy trì khu vực hạn chế phát triển dọc sông Trường Giang và vệt kết nối bầu Hà Kiều với sông Trường Giang; ưu tiên phát triển chức năng dân cư-đô thị, thương mại, dịch vụ ven sông Trường Giang.

d) Khu chức năng công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây đường Cao tốc

- Ranh giới phía Đông giáp kênh chính Phú Ninh, phía Bắc giáp Quốc lộ 14E, phía Tây giáp ĐH18.TB; quy mô khoảng 460ha.

- Tính chất, chức năng: Là khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; bao gồm các chức năng chính như công nghiệp, dân cư-đô thị, thương mại, dịch vụ và các chức năng khác.

- Một số định hướng phát triển: phát triển công nghiệp, có chức năng hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tiện ích xã hội cho khu công nghiệp.

e) Khu du lịch Phật viện Đồng Dương

- Vị trí, ranh giới: thuộc xã Bình Định Bắc; quy mô khoảng 260ha

- Tính chất, chức năng: là khu du lịch, kết hợp với bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa.

- Một số định hướng phát triển: bảo tồn, phục dựng một số hạng mục thuộc di tích Phật viện Đồng Dương; phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng mới các hạng mục để phát huy di tích.

6.5. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

Định hướng bố trí các công trình hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện theo quy hoạch tại các đô thị, các khu chức năng tại mục 5.4; dọc theo 05 trục chính Đông Tây, 06 trục chính Bắc Nam. Trong đó, một số định hướng cụ thể:

a) Giáo dục - đào tạo:

- Xây dựng trung tâm đào tạo giáo dục quốc tế tại - Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang phục vụ đào tạo giáo dục đa cấp học, nâng cao hiệu quả giáo dục cho huyện nói riêng và tỉnh nói chung.

- Nâng cấp, mở rộng, xây mới các trường học trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số trong các giai đoạn tiếp theo; theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Hoàn thiện mạng lưới các trường phổ thông trên địa bàn các xã, đảm bảo các tiêu chí về quy mô, chất lượng, bán kính phục vụ.

b) Y tế:

Kêu gọi dự án Bệnh viện nghỉ dưỡng quốc tế, Bệnh viện đột quy, khu dưỡng lão tại Tiểu vùng Đông.

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Tích cực tranh thủ các nguồn vốn và trợ giúp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện và các trạm y tế xã.

c) Văn hóa - thể thao:

Bố trí trung tâm thể thao cấp tỉnh tại khu vực Khu chức năng du lịch dịch vụ ven biển. Bố trí các trung tâm văn hóa thể dục thể thao cấp huyện tại các đô thị Hà Lam, đô thị Bình Minh và khu trung tâm Bình Trị. Các thiết chế văn hóa thể dục thể thao cấp xã đáp ứng tiêu chí NTM theo quy hoạch xây dựng NTM xã. Đầu tư hạ tầng bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, phục vụ các hoạt động lễ hội, các làng nghề truyền thống (lễ hội đua thuyền và Cộ Chợ Đước, lễ tế Cá Ông).

6.5. Định hướng các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên

- Các khu vực bảo vệ cảnh quan và nông nghiệp kết hợp phát triển du lịch, thoát lũ:

+ Khu vực dọc hai bên tuyến đường Võ Chí Công, rộng 100m mỗi bên.

+ Khu vực phía Đông tuyến đường từ ĐT619 (nút giao Bình Sa) kết nối vào QL 14H.

+ Khu vực ven sông Trường Giang.

+ Khu vực ven sông Ly Ly.

+ Khu vực cảnh quan, nông nghiệp kết hợp hành lang thoát lũ nội hạ lưu bầu Hà Kiều với sông Trường Giang

+ Khu vực cảnh quan, nông nghiệp kết hợp hành lang thoát lũ nội hạ lưu bầu Hà Kiều và sông Bàn Thạch (thành phố Tam Kỳ).

+ Khu vực dọc hành lang giữa đường Cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi và tuyến đường sắt cao tốc quy hoạch.

+ Khu vực nông nghiệp phía Nam.

- Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển: Hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng ngập mặn. Bảo vệ nghiêm ngặt khu vực rừng tự nhiên.

- Hành lang các tuyến sông: Đảm bảo hành lang cách ly bảo vệ sông và dự phòng khi có lũ.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: Bảo vệ các quỹ đất an ninh, quốc phòng. Việc xây dựng tại các khu vực này và vùng phụ cận cần thỏa thuận với các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: Lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới khu vực bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích theo Luật di sản.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm hành lang bảo vệ vùng thoát lũ; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử; hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

- Xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng trong khu vực sản xuất nông nghiệp cần phải quy hoạch, thiết kế để đảm bảo không gian cảnh quan chung của vùng nông thôn.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ không chế nền tối thiểu (Hxd) phải cao hơn mực nước tính toán (Htt) tối thiểu 0,3m đối với đất dân dụng và 0,5m đối với đất công nghiệp: $H_{xd} = H_{tt} + 0,3m (0,5m)$.

- Hướng thoát nước chung của toàn huyện là chảy về các hệ thống sông Trường Giang, sông Ly Ly và sông Bàn Thạch;

- Các dự án tiêu thoát nước chính:

+ Nạo vét sông Trường Giang; quản lý hành lang thoát lũ vùng trung Thăng Bình từ bầu Hà Kiều đến sông Bàn Thạch (Tam Kỳ) và sông Trường Giang.

+ Xây dựng hệ thống đê kè dọc bờ sông Ly Ly những đoạn có nguy cơ sạt lở cao, khu vực bị ngập lụt thường xuyên.

+ Xây dựng các tuyến đường tránh lũ cho các khu vực thường xuyên bị ngập lụt để phục vụ mục đích giao thông và cứu nạn cứu hộ trong trường hợp lũ lụt xảy ra.

+ Đối với khu vực vùng Đông huyện Thăng Bình, hướng thoát nước chính xác định đổ về sông Trường Giang. Đối với khu vực ven biển nằm giữa sông Trường Giang và biển Đông, đối với lưu vực tự nhiên thoát về hướng biển được thu gom về các cửa thoát tự nhiên hiện trạng để thoát ra biển.

b) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A; tuyến tránh Quốc lộ 1A qua thị trấn Hà Lam; Quốc lộ 14E; ĐT 619; ĐT 612; ĐT 613; ĐT 613B; kéo dài tuyến ĐT 611 đến đường ĐT 619.

+ Đề xuất tuyến ĐT mới từ đường ĐT619 (nút giao Bình Sa) kết nối vào QL 14H và ĐT607 đi TP. Đà Nẵng;

+ Nâng cấp, mở rộng các tuyến ĐH liên huyện đối ngoại đạt tiêu chuẩn đường cấp V – đồng bằng, quản lý lộ giới 30,0m: ĐH10.TB; ĐH15.TB;

ĐH18.TB; ĐH20.TB; ĐH21.TB; ĐH28.TB.

- Các tuyến đường ĐH khác: Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường ĐH đạt tiêu chuẩn đường cấp V – đồng bằng, quản lý lộ giới 30m.

- Các tuyến giao thông khác: Tuyến đường sát biển; tuyến dọc sông Ly Ly (ĐH24.TB) phục vụ đê kè, thoát lũ; Tuyến đường ven kênh chính Bắc Phú Ninh; Đường phục vụ nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi tập trung; Đường phục vụ công tác lâm sinh.

- Hệ thống giao thông đô thị: theo quy hoạch chung các đô thị Hà Lam, Bình Minh, và Khu KTM Chu Lai.

- Hệ thống giao thông nông thôn: theo quy hoạch nông thôn mới các xã.

- Đường sắt: Đường sắt Bắc - Nam qua huyện và ga Phú Cang; tuyến đường sắt cao tốc; tuyến đường sắt đô thị kết nối thành phố Hội An với Cảng hàng không Chu Lai, hướng tuyến theo hành lang tuyến đường bộ ven biển Việt Nam (đường Võ Chí Công).

- Đường thủy nội địa: nạo vét luồng lạch tuyến sông Trường Giang đảm bảo đạt tiêu chuẩn kỹ thuật sông cấp 4, hiện đại mạng lưới giao thông đường thủy đáp ứng vận chuyển hàng hoá, hành khách. Đắp đê kè, trồng cây xanh 2 bên bờ sông, giảm ô nhiễm môi trường và phục vụ phát triển du lịch.

* Công trình đầu mối:

+ Bến xe, bãi đỗ xe: (1) Xây dựng mới bến xe Thăng Bình (thị trấn Hà Lam) đạt tiêu chuẩn bến xe loại III. (2) Xây dựng mới bến xe Bình Minh đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV. (3) Bổ sung quy hoạch mới bến xe Bình Trị.

+ Bến thuyền: Xây dựng, nâng cấp 04 bến sông do huyện quản lý, gồm Bến Chợ Đước; Bến Bình Trúc II, xã Bình Sa, Bến Bình Hải và Bến Bình Giang.

c) Cấp nước sinh hoạt:

- Tổng nhu cầu dùng nước: Đô thị đến năm 2030 khoảng 19.400m³/ngđ; nông thôn đến năm 2030 khoảng 11.500m³/ngđ; Khu vực công nghiệp đến năm 2030 khoảng 23.000m³/ngđ. Tổng nhu cầu cấp nước toàn huyện 54.000m³/ngđ.

- Đầu tư nâng cấp nhà máy cấp nước Thăng Bình lên 5.000m³/ngđ giai đoạn đến 2020 lên 21.000m³/ngđ cho giai đoạn đến 2030. Nguồn nước từ hồ Phú Ninh qua kênh thủy lợi.

- Cấp nước vùng Tây: Xây dựng nhà máy nước tại xã Bình Lãnh nguồn nước hồ Cao Ngạn và các khu vực sông suối lân cận phục vụ các xã Bình Trị, Bình Lãnh, Bình Định Nam, Bình Định Bắc, và một phần Bình Quý; xây dựng nhà máy nước tại xã Bình Phú cung cấp nước cho các xã Bình Phú, Bình Chánh, Bình Quế.

- Cấp nước vùng đông của huyện, khu kinh tế mở sẽ dùng nước từ nhà máy nước BOO Phú Ninh,

- Các xã Bình An, Bình Trung, Bình Tú sử dụng nước từ nhà máy nước Tam Kỳ.

d) Cấp nước sản xuất:

Nâng cấp hồ Cao Ngạn (Bình Lãnh) với tổng diện tích tưới là 180 ha. Nâng cấp hồ Phước Hà (Bình Phú) với tổng diện tích tưới là 339 ha. Nâng cấp các tuyến kênh N22-4, N14A-1, Kênh N22-5, Nâng cấp kênh N22-1, Kênh tiêu Bàu Bàn - Bàu Tre. Nâng cấp Trạm bơm và kênh Tứ Sơn (gđ2), Hồ chứa nước Hồ Do, Sửa chữa đập Đồng Hòe. Nâng cấp kênh Cơ Bình, phục vụ tưới cho Bình Định Nam, Bình Định Bắc; Nâng cấp kênh chính Phước Hà đoạn qua Bình Định Nam.

e) Cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2030 khoảng 207,76MVA
- Giải pháp: Nâng công suất trạm 110/22kV Thăng Bình lên 2x40MVA; Nâng công suất trạm 110/22kV Thăng Bình 2 lên 2x40MVA.

f) Thoát nước thải:

- Nước thải đô thị: Nước thải được thu gom bằng hệ thống cống riêng hoàn toàn sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường; trong đó, đến năm 2030 công suất trạm xử lý khu đô thị Hà Lam 2600 m³/ngđ. Theo điều chỉnh quy hoạch Khu Kinh tế mở Chu Lai, bố trí 3 trạm xử lý nước thải cho khu vực Đông Thăng Bình, công suất lần lượt: 2500 m³/ngđ; 2500 m³/ngđ; 6000 m³/ngđ.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn: Sử dụng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt tại mỗi hộ gia đình trước khi đổ ra môi trường.

- Nước thải khu du lịch, cụm công nghiệp, cơ sở chăn nuôi tập trung: Từng khu du lịch, cụm công nghiệp, cơ sở chăn nuôi tập trung xây dựng hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

g) Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn: Quy hoạch mới khu xử lý chất thải rắn Bình Phú tại thôn Đức An, xã Bình Phú diện tích 9,8ha. ¹

h) Quy hoạch xây dựng nghĩa trang:

- Trong ranh giới quy hoạch Khu Kinh tế mở bố trí 2 khu nghĩa trang nhân dân: Nghĩa trang Bình Sa 67ha và nghĩa trang Nam Thăng Bình 40ha. Ngoài ra còn có nghĩa trang vùng Đông Thăng Bình (Bình Dương) 40ha.

- Quy hoạch nghĩa trang vùng Tây Thăng Bình để đáp ứng nhu cầu chôn cất và đảm bảo môi trường cho vùng Tây và thị trấn Hà Lam.

i) Hạ tầng viễn thông

Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại; có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn huyện. Thực hiện từng bước việc ngầm hoá hạ tầng mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

8. Các vấn đề có liên quan biện pháp bảo vệ môi trường

- Nghiên cứu chỉnh trang, xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp tiêu thoát nước phù hợp theo từng giai đoạn phát triển;

- Phát triển đô thị phải đồng bộ với giải pháp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật;

¹ Theo QĐ 1662/QĐUBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt đề án quản lý chất thải rắn Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Định kỳ đánh giá và đề xuất các giải pháp hạn chế các tác động về môi trường trong quá trình phát triển.

9. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư để phát triển vùng

- Quy hoạch: Lập các thủ tục quản lý phát triển đô thị Bình Minh; điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Lam mở rộng và các thủ tục quản lý phát triển đô thị; lập các quy hoạch chi tiết ngoài địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai; lập quy hoạch xây dựng Khu trung tâm xã Hà Châu, Bình Trị; Các khu vực tái định cư cho dân ven biển; quy hoạch xây dựng các khu trung tâm Bình Tú, Kế Xuyên-Bình Trung, Quán Gò-Bình An; lập quy hoạch khu chức năng di tích Phật viện Đồng Dương.

- Giao thông: Tập trung nguồn vốn đầu tư các danh mục công trình tại phần quy hoạch giao thông tại Điều 8.b) nêu trên.

- Cấp nước sinh hoạt: Nâng cấp nhà máy nước Thăng Bình; Xây dựng mới nhà máy nước Bình Lãnh, Bình Phú; xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình cấp nước nông thôn.

- Cấp điện: Xây dựng và nâng cấp các trạm điện bảo đảm cung cấp đủ điện theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Thoát nước bản, chất thải rắn, nghĩa trang: đầu tư nhà máy xử lý nước thải khu đô thị Hà Lam; khu xử lý chất thải rắn Bình Phú; nghĩa trang vùng Tây Thăng Bình.

- Thủy lợi: Xây dựng và nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất của nhân dân.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đến năm 2030, đầu tư xây dựng hoàn thiện các cụm công nghiệp.

- Thương mại - dịch vụ, du lịch: Kêu gọi thu hút đầu tư các khu du lịch; công trình thương mại dịch vụ. Xây dựng, nâng cấp các chợ theo quy hoạch.

- Nông nghiệp: Thực hiện các dự án theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2025; các dự án Phát triển cơ sở chăn nuôi tập trung tại vùng Tây và 01 điểm tại Bình Quý (vùng Trung). Quy hoạch và kêu gọi thu hút đầu tư các khu nông nghiệp công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao tại Vùng Đông và Vùng Trung.

- Chuẩn bị kỹ thuật: Kè sông Ly Ly, gia cố sạt lở Bàu Hà Kiêu, hoàn thiện dự án kè sông Trường Giang đoạn qua huyện Thăng Bình.

- Văn hóa, thể dục thể thao, Y tế, Giáo dục và đào tạo theo danh mục công trình tại mục 7.

b) Nguồn lực: từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách.

10. Danh mục hồ sơ được phê duyệt

a) Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng

- Bản đồ hiện trạng vùng
 - Bản đồ phân vùng quản lý phát triển
 - Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng
 - Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng
- b) Thuyết minh, bao gồm phụ lục, các văn bản pháp lý liên quan
- c) Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch./.